

# PHÂN TÍCH LỖI CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TRUNG CẤP KHI SỬ DỤNG BỔ NGỮ CHỈ HƯỚNG TIẾNG TRUNG

## AN ERROR ANALYSIS OF USING DIRECTIONAL COMPLEMENTS OF VIETNAMESE STUDENTS OF INTERMEDIATE CHINESE LEVEL

Lưu Hón Vũ

Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh; luuhonvu@gmail.com

**Tóm tắt** - Bổ ngữ chỉ hướng là một trong những điểm ngữ pháp quan trọng của tiếng Trung Quốc. Sinh viên Việt Nam giai đoạn trung cấp thường xuất hiện lỗi khi sử dụng loại bổ ngữ này. Qua phân tích ngữ liệu tiếng Trung của sinh viên Việt Nam giai đoạn trung cấp, chúng tôi tìm được 260 câu chứa lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng. Những lỗi này có thể chia thành năm loại: 1) thiếu bổ ngữ chỉ hướng, 2) thừa bổ ngữ chỉ hướng, 3) sai trật tự bổ ngữ chỉ hướng và tân ngữ, 4) nhầm lẫn các bổ ngữ chỉ hướng với nhau, 5) nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng với các loại bổ ngữ khác. Trong đó, thừa bổ ngữ chỉ hướng là loại lỗi chủ yếu của sinh viên Việt Nam giai đoạn trung cấp. Nguyên nhân chính gây ra các lỗi này là chuyển di ngôn ngữ tiêu cực.

**Từ khóa** - bổ ngữ chỉ hướng; phân tích lỗi; thụ đắc; sinh viên Việt Nam; giai đoạn trung cấp.

### 1. Đặt vấn đề

Bổ ngữ chỉ hướng là một trong những điểm ngữ pháp quan trọng trong chương trình giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên quốc tế giai đoạn đại học năm nhất và năm hai, đồng thời cũng là một trong những điểm ngữ pháp mà sinh viên có trình độ tiếng Trung trung cấp cần phải nắm vững. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy tiếng Trung giai đoạn trung cấp, chúng tôi phát hiện sinh viên Việt Nam thường xuất hiện một số lỗi mang tính quy luật khi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung. Ví dụ:

- (1) \*人们的生活日益好。
- (2) \*愉快, 没有困难出来。
- (3) \*说实话, 要把这个坏毛病改出去确实很不容易。
- (4) \*动不动就生气起来, 把他的兄弟姐妹打了一阵。

Vì vậy, cần tiến hành phân tích và tìm ra nguyên nhân xuất hiện các lỗi bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung của sinh viên Việt Nam ở giai đoạn trung cấp. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các lỗi đó.

### 2. Nguồn ngữ liệu và cơ sở lý luận

Nguồn ngữ liệu mà chúng tôi sử dụng là Kho ngữ liệu ngôn ngữ trung gian của sinh viên Việt Nam giai đoạn trung cấp (có khoảng 250.000 chữ) mà chúng tôi tự xây dựng trên cơ sở bài thi của sinh viên Việt Nam giai đoạn trung cấp chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của các trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Trung Sơn (Trung Quốc), Đại học Sư phạm Quảng

**Abstract** - Directional complement is an important language focus in Chinese grammar. Vietnamese students of intermediate Chinese level usually make some errors when they use this kind of complement. Through analyzing the compositions of Vietnamese students of intermediate Chinese level, we selected 260 sentences with directional complement errors. These errors were divided into five categories: 1) omission of directional complements, 2) over-use of directional complements, 3) wrong order of directional complements and object, 4) confusion about different types of directional complements, 5) confusion about directional complements with other complements. Particularly, the main error of Vietnamese students of intermediate Chinese level is over-use of directional complements. The main cause of this is the negative transfer from their mother tongue.

**Key words** - directional complement; error analysis; acquisition; Vietnamese students; intermediate Chinese level.

Tây (Trung Quốc) và bài thi của thí sinh Việt Nam trình độ trung cấp trong Kho ngữ liệu bài thi HSK do Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh (Trung Quốc) xây dựng.

Cơ sở lý luận mà chúng tôi sử dụng trong bài viết này là lý thuyết Phân tích lỗi (Error Analysis) của S. P. Corder (1974) và lý thuyết Ngôn ngữ trung gian (Interlanguage) của Larry Selinker (1972).

### 3. Các lỗi bổ ngữ chỉ hướng giai đoạn trung cấp

Theo Carl James (1998), căn cứ vào hình thức biến hóa so với ngôn ngữ đích có thể chia lỗi của người học làm 5 loại: thiếu (omission), thừa (over-inclusion), nhầm lẫn (misselection), sai trật tự (misorder) và hỗn tạp (blend).

Sau khi sàng lọc ngữ liệu, chúng tôi tìm được 260 câu sai về bổ ngữ chỉ hướng. Trên cơ sở phân loại lỗi của Carl James (1998) và tình hình lỗi thực tế, chúng tôi chia lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng của sinh viên giai đoạn trung cấp làm 5 loại sau:

**Bảng 1.** Phân bố lỗi bổ ngữ chỉ hướng

Lỗi	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thiếu bổ ngữ chỉ hướng	50	19,23
Thừa bổ ngữ chỉ hướng	75	28,85
Sai trật tự bổ ngữ chỉ hướng và tân ngữ	24	9,23
Nhầm lẫn các bổ ngữ chỉ hướng với nhau	62	23,85
Nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng với các loại bổ ngữ khác	49	18,84
Tổng cộng	260	100

#### 3.1. Thiếu bổ ngữ chỉ hướng

Thiếu bổ ngữ chỉ hướng là lỗi xảy ra khi cần sử dụng bổ ngữ chỉ hướng, nhưng lại không sử dụng, mà chỉ sử

dụng vị từ để biểu thị chức năng của kết cấu “vị từ + bổ ngữ chỉ hướng”. Ví dụ:

(5) \*这样一定能使我们的环境减少一个危害因素，也让社会能省一大笔钱做些有用的工作。

(6) \*那样，那个影响就不停地遗传。

Sau các động từ “省” trong ví dụ (5), “遗传” trong ví dụ (6) không thể không có bổ ngữ chỉ hướng. Vì vậy, cần thêm bổ ngữ “去” vào sau động từ “省”, “下去” vào sau động từ “遗传”. Các ví dụ (5) và (6) khi diễn đạt bằng tiếng Việt thì chỉ cần sử dụng động từ “tiết kiệm”, “di truyền” là được, không cần thêm bổ ngữ chỉ hướng vào sau các động từ ấy. Điều này cho thấy, sinh viên mắc lỗi thiếu bổ ngữ chỉ hướng là do chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ.

### 3.2. Thừa bổ ngữ chỉ hướng

Thừa bổ ngữ chỉ hướng là lỗi xảy ra khi không cần sử dụng bổ ngữ chỉ hướng nhưng lại sử dụng. Ví dụ:

(7) \*其实他也是个好人，只是我没发现出来。

Ở ví dụ (7), sinh viên đã dùng thừa bổ ngữ chỉ hướng “出来”. Động từ “发现” trong tiếng Trung không thể kết hợp với các bổ ngữ “出”, “出来”, “出去”, nhưng động từ “phát hiện” trong tiếng Việt lại thường kết hợp với bổ ngữ “ra”.

(8) \*弟弟要考上大学了没有？

Trong ví dụ (8), hành động “考” vẫn chưa xảy ra, cho nên không thể thêm bổ ngữ chỉ hướng “上” vào sau động từ này. “考上” trong tiếng Trung và “thi lên” trong tiếng Việt có sự giống nhau về hình thức, nhưng khác nhau về ngữ nghĩa. Bổ ngữ chỉ hướng “上” trong “考上” không còn mang nghĩa gốc (tức nghĩa chỉ hướng) nữa, mà mang nghĩa phái sinh, biểu thị kết quả của “考”, hình thức tương ứng của “考上” trong tiếng Việt là “thi đậu”. “Lên” trong “thi lên” vẫn còn mang nghĩa chỉ hướng, hình thức tương ứng của “thi lên” trong tiếng Trung là “考”.

(9) \*我给贵公司写来这封求职信。

Ở ví dụ (9), người viết thư là “我”, người nhận thư là “贵公司”. Sau khi học “写来这封信”, sinh viên ngỡ rằng có thể sử dụng cụm từ này trong mọi tình huống, song trong ngữ cảnh của ví dụ (9) động từ “写” không thể kết hợp với bổ ngữ chỉ hướng “来”, sinh viên đã dùng thừa bổ ngữ chỉ hướng “来”.

(10) \*另外，每个分公司可以比较方便地联系起来。

Trong ví dụ (10), sinh viên dùng “起来” nhằm mục đích biểu thị ý nghĩa bước vào một trạng thái mới (từ không liên lạc đến liên lạc). Tuy nhiên, sử dụng cách biểu đạt như ví dụ (10) thì sau động từ “联系” không cần thêm bổ ngữ “起来”. Sinh viên đã dùng thừa bổ ngữ chỉ hướng “起来”.

Nguyên nhân dẫn đến lỗi thừa bổ ngữ chỉ hướng của sinh viên là chuyển di ngôn ngữ tiêu cực, như ví dụ (7) – (8), và khái quát thái quá các nguyên tắc của ngôn ngữ đích, như ví dụ (9) – (10).

### 3.3. Sai trật tự bổ ngữ chỉ hướng và tân ngữ

Vị trí giữa bổ ngữ chỉ hướng và tân ngữ là một vấn đề

khá phức tạp. Tân ngữ có thể đứng trước bổ ngữ chỉ hướng, có thể đứng sau bổ ngữ chỉ hướng, cũng có thể đứng giữa bổ ngữ chỉ hướng kép. Điều này đã gây khó khăn cho sinh viên. Ví dụ:

(11) \*我略略看了一看而低头下，车上都是素不相识的人，怎么好向别人借钱呢？

Ở ví dụ (11), “低头” là từ ly hợp. Khi từ ly hợp mang bổ ngữ chỉ hướng, thì ngữ tố động của từ ly hợp phải đặt trước bổ ngữ chỉ hướng, còn ngữ tố danh của từ ly hợp phải đặt sau bổ ngữ chỉ hướng. Vì vậy, “低头下” phải sửa lại là “低下头”. Trong tiếng Việt không có từ ly hợp, hình thức tương ứng của “低下头” là “cúi đầu xuống” (tức 低\_下\_头). Sinh viên, do chịu ảnh hưởng về trật tự vị trí của từ trong tiếng Việt dẫn đến lỗi như ví dụ (11).

(12) \*一只小狗不知道怎么样跑进去她家里大便。

Trong ví dụ (12), “她家里” là từ chỉ nơi chốn, “khi tân ngữ là từ chỉ nơi chốn, thì tân ngữ phải đặt giữa bổ ngữ chỉ hướng kép” (Luu Nguyệt Hoa chủ biên, 1998), cho nên “跑进去她家里” cần được sửa lại là “跑进她家里去”. Sinh viên mắc lỗi này là do ảnh hưởng của chuyển di ngôn ngữ tiêu cực.

(13) \*他从他的房间里拿出来笔。

Ở ví dụ (13), “笔” là tân ngữ tiếp nhận, không chỉ nơi chốn, mang tính xác định. Khi tân ngữ là tân ngữ tiếp nhận, không chỉ nơi chốn, mang tính xác định, cho dù câu biểu thị ý nghĩa đã diễn ra hay chưa diễn ra, tân ngữ đều phải đặt trước hoặc đặt giữa bổ ngữ chỉ hướng kép (Quách Xuân Quý, 2003). Tuy nhiên, trường hợp tân ngữ đặt trước bổ ngữ chỉ hướng kép rất hiếm thấy trong ngôn ngữ thực tế (Trương Bá Giang, 1991). Vì vậy, “拿出来笔” phải được sửa lại là “拿出笔来”.

### 3.4. Nhầm lẫn các bổ ngữ chỉ hướng với nhau

Lỗi nhầm lẫn các bổ ngữ chỉ hướng với nhau là lỗi xảy ra khi cần sử dụng bổ ngữ chỉ hướng này, nhưng lại bổ ngữ chỉ hướng khác, không thể kết hợp với vị từ, hoặc có thể kết hợp với vị từ nhưng không phù hợp với ngữ cảnh. Ví dụ:

(14) \*再包上才扔进垃圾桶里。

Ở ví dụ (14), sinh viên đã nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng “上” với “起来”. Hình thức tương ứng của hai bổ ngữ này trong tiếng Việt là “lên”. Song trong tiếng Trung, động từ “包” không kết hợp được với bổ ngữ “上”, chỉ kết hợp được với bổ ngữ “起来”. Sinh viên chịu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, dẫn đến xảy ra lỗi nhầm lẫn.

(15) \*我这幅画还没画成，请你不要宣传出来。

Trong ví dụ (15), sinh viên đã nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng “出来” và “出去”. Hình thức tương ứng trong tiếng Việt của hai bổ ngữ chỉ hướng này đều là “ra”. Điểm đứng trong ví dụ (15) là vị trí của “我” và “你”, cho nên “宣传出来” cần được sửa lại là “宣传出去”.

(16) \*等鱼快要熟，把西红柿放进，煮两三分钟。

Ở ví dụ (16), sinh viên đã nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng

đơn “进” và bổ ngữ chỉ hướng kép “进去”. Hình thức tương ứng trong tiếng Việt của hai bổ ngữ này đều là “vào”. Sinh viên không biết khi nào cần sử dụng bổ ngữ chỉ hướng đơn, khi nào phải sử dụng chỉ hướng kép, dẫn đến xảy ra lỗi như ví dụ (16).

(17) \*我耐心地劝了他半天，他已经愉快下来。

Trong ví dụ (17), “愉快” là tính từ mang tính tích cực. Theo kết quả khảo sát của Lưu Nguyệt Hoa (1987), bổ ngữ chỉ hướng “下来” không thể kết hợp với tính từ mang tính tích cực. Vì vậy, “愉快下来” phải sửa lại là “愉快起来”.

### 3.5. Nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng với các loại bổ ngữ khác

Lỗi nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng với các loại bổ ngữ khác là lỗi xảy ra khi cần sử dụng bổ ngữ chỉ hướng nhưng lại dùng loại bổ ngữ khác để thay thế, hoặc khi cần sử dụng các loại bổ ngữ khác thì lại dùng bổ ngữ chỉ hướng để thay thế. Ví dụ:

(18) \*每天早上我们都见面是因为同跑上一条路，锻炼身体。

Ở ví dụ (18), “同跑上一条路” không phải là hình thức diễn đạt của tiếng Trung, đó là cách nói trong tiếng Việt “cùng chạy trên một con đường”, cho nên cần sửa lại là “同跑在一条路上”. Sinh viên mắc lỗi này là do ảnh hưởng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ.

(19) \*要是我们不能忍让别人那么会影响来自己的长远计划。

Trong ví dụ (19), sinh viên đã nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng “来” với bổ ngữ chỉ kết quả “到”. Hình thức tương ứng trong tiếng Việt của “V来” và “V到” đều là “V đến”. Sinh viên không biết khi nào dùng “V来”, khi nào dùng “V到” để biểu thị “V đến” của tiếng Việt, cho nên xuất hiện lỗi. “影响来” trong ví dụ này phải sửa lại là “影响到”. Điều này cho thấy, sinh viên do chịu ảnh hưởng của chuyển di ngôn ngữ tiêu cực mà dẫn đến lỗi nhầm lẫn bổ ngữ chỉ hướng với các loại bổ ngữ khác.

(20) \*无论你打不过还是打过他们你也不忍。

Ở ví dụ (20), sau khi học bổ ngữ chỉ hướng “过” biểu thị ý nghĩa chiến thắng, vượt qua, sinh viên đã suy ra hình thức “打过”. Song, “打过” lại không biểu thị ý nghĩa chiến thắng, vượt qua. Nếu muốn biểu thị ý nghĩa này, phải sử dụng hình thức của bổ ngữ chỉ mức độ “打得过”. Vì vậy, “打过” cần sửa lại là “打得过”. Sinh viên mắc lỗi này là do khái quát thái quá các nguyên tắc của ngôn ngữ đích.

### 4. Nguyên nhân dẫn đến lỗi

Các nhà nghiên cứu về thụ đắc ngôn ngữ trước đây cho rằng, có năm nguyên nhân dẫn đến lỗi ngữ pháp của người học ngoại ngữ: 1) chuyển di ngôn ngữ tiêu cực; 2) khái quát thái quá các nguyên tắc của ngôn ngữ đích; 3) chuyển di văn hóa tiêu cực; 4) chiến lược học tập; 5) chiến lược giao tiếp. Tuy nhiên, “cho dù lỗi của người học là do chịu ảnh hưởng của một chiến lược học tập cụ thể nào đó, nhưng ta

vẫn có thể thấy được bóng dáng của chuyển di ngôn ngữ tiêu cực và khái quát thái quá các nguyên tắc của ngôn ngữ đích trong các lỗi đó” (Chương Nghi Hoa, 2011).

Chúng tôi cho rằng, chuyển di ngôn ngữ tiêu cực và khái quát thái quá các nguyên tắc của ngôn ngữ đích là hai nguyên nhân chính gây ra lỗi sử dụng của người học. Hai nguyên nhân này tồn tại khách quan trong quá trình thụ đắc tiếng Trung của sinh viên Việt Nam.

**Bảng 2.** Phân bố nguyên nhân gây ra lỗi bổ ngữ chỉ hướng

Nguyên nhân	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Chuyển di ngôn ngữ tiêu cực	193	74,23
Khái quát thái quá các nguyên tắc của ngôn ngữ đích	67	25,77
Tổng cộng	260	100

Từ Bảng 2 chúng ta có thể thấy rằng, chuyển di ngôn ngữ tiêu cực là nguyên nhân chính gây ra lỗi bổ ngữ chỉ hướng của sinh viên Việt Nam ở giai đoạn trung cấp.

### 5. Kiến nghị

Trên cơ sở những nghiên cứu trên đây, nhằm làm giảm tần số xuất hiện lỗi sử dụng bổ ngữ chỉ hướng của sinh viên Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

*Thứ nhất*, khi giảng dạy bổ ngữ chỉ hướng giảng viên cần kết hợp so sánh với các hình thức tương ứng của chúng trong tiếng Việt.

*Thứ hai*, giảng viên cần giúp sinh viên hiểu rõ sự khác biệt giữa các bổ ngữ chỉ hướng gần nghĩa trong tiếng Trung, cũng như sự khác biệt giữa các bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung có hình thức tương ứng giống nhau trong tiếng Việt.

*Thứ ba*, người biên soạn giáo trình và giảng viên cần tái hiện các điểm ngữ pháp bổ ngữ chỉ hướng tiếng Trung qua các dạng bài tập cũng cố.

*Thứ tư*, giảng viên có thể thiết kế thêm các bài tập luyện dịch Việt - Trung có chứa “bẫy” sử dụng bổ ngữ chỉ hướng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Carl James, *Errors in Language Learning and Use: Exploring Error Analysis*, Routledge, 1998.
- [2] Chương Nghi Hoa, *Nghiên cứu thích nghĩa từ điển tiếng Trung cho người nước ngoài từ góc độ tri nhận của người sử dụng*, NXB Thương Vụ. (Trung Quốc), 2011.
- [3] Larry Selinker, “Interlanguage”, *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 1972, vol. X/3.
- [4] Lưu Nguyệt Hoa, “So sánh ý nghĩa trạng thái của ‘起来’ và ‘下来’”, *Tạp chí Giảng dạy tiếng Hán thế giới*, 1987, số 1. (Trung Quốc).
- [5] Lưu Nguyệt Hoa chủ biên, *Giải thích bổ ngữ chỉ hướng*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 1998. (Trung Quốc).
- [6] Quách Xuân Quý, “Bản thêm về vấn đề vị trí của bổ ngữ chỉ hướng kép và tân ngữ không chỉ nơi chốn”, *Tạp chí Giảng dạy tiếng Hán thế giới*, 2003, số 3. (Trung Quốc).
- [7] S. P. Corder, “Error Analysis”, In: J. P. B. Allen and S. Pit Corder (eds.), *The Edinburgh Course in Applied Linguistics vol.3: Techniques in Applied Linguistics*, Oxford University Press, 1974.
- [8] Trương Bá Giang, “Nhân tố ràng buộc vị trí tân ngữ trong kết cấu ‘động từ + bổ ngữ chỉ hướng’”, *Tạp chí Học tập tiếng Hán*, 1991, số 6. (Trung Quốc).